

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2026

Báo cáo gồm có:

- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B01-DN
(Kèm theo thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116,783,443,056	109,931,528,647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18,911,015,077	57,845,405,240
1. Tiền	111		15,911,015,077	40,845,405,240
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	17,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		94,349,859,384	48,769,911,618
1. Chứng khoán kinh doanh	121		27,731,323,566	47,882,436,491
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2,545,928,565)	(2,736,628,983)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		69,164,464,383	3,624,104,110
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,780,828,887	1,353,559,530
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		20,888,208,000	20,599,000,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		453,379,350	748,836,690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		41,511,440,527	41,077,921,830
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(61,072,198,990)	(61,072,198,990)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1,218,440,000	1,218,440,000
1. Hàng tồn kho	141		26,168,166,326	26,168,166,326
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(24,949,726,326)	(24,949,726,326)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		523,299,708	744,212,259
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		242,233,769	285,163,769
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	177,982,551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		281,065,939	281,065,939
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104,476,425,358	173,056,502,601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76,231,723,949	87,800,512,608
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		119,956,419,537	131,525,208,196
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		(43,724,695,588)	(43,724,695,588)
II. Tài sản cố định	220		4,405,601,556	4,930,196,553
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4,405,601,556	4,930,196,553
- Nguyên giá	222		8,819,439,275	8,819,439,275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,413,837,719)	(3,889,242,722)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95,400,000	95,400,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95,400,000)	(95,400,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến GD trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến GD trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		1,292,852,516	57,731,219,541
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		1,292,852,516	1,292,852,516
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	56,438,367,025
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		22,527,707,463	22,527,707,463
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		2,990,000,000	2,990,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		33,464,570,560	33,464,570,560
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(13,926,863,097)	(13,926,863,097)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		18,539,874	66,866,436
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		18,539,874	66,866,436
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		221,259,868,414	282,988,031,248

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,975,498,202	50,623,556,193
I. Nợ ngắn hạn	310		5,975,498,202	50,623,556,193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		23,648,000	34,338,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,292,852,516	44,855,852,516
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		2,533,816,173	2,533,816,173
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		208,831,985	62,425,461
5. Phải trả người lao động	315		473,119,965	1,801,007,374
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		691,574,469	584,461,575
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		751,655,094	751,655,094
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215,284,370,212	232,364,475,055
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		2,790,387,000	2,790,387,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(3,546,600,829)	(3,546,600,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,300,261,084	7,300,261,084
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(164,759,677,043)	(147,679,572,200)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(147,679,572,200)	(149,466,454,779)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(17,080,104,843)	1,786,882,579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		221,259,868,414	282,988,031,248

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2026



Đồng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 3 NĂM 2026

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025	Lũy kế đến 30/9/2026	Lũy kế đến 30/9/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (1)	01		-	-	129,163,000,000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-	129,163,000,000	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-	136,227,107,766	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		-	-	(7,064,107,766)	-
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		7,621,299,675	8,095,622,573	16,795,826,779	11,646,137,246
8. Chi phí tài chính	23		8,726,081,804	1,074,084,339	19,541,341,882	1,545,518,864
- Chi phí đi vay	24		8,786,686	7,855,288	39,610,027	8,382,579
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,929,396,099	2,164,095,468	7,270,481,974	6,533,666,327
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21+22-(23+25+26))	30		(3,034,178,228)	4,857,442,766	(17,080,104,843)	3,566,952,055
12. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
13. Chi phí khác	32		-	-	-	7,150,000
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-	-	-	(7,150,000)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(3,034,178,228)	4,857,442,766	(17,080,104,843)	3,559,802,055
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(3,034,178,228)	4,857,442,766	(17,080,104,843)	3,559,802,055
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(82.30)	131.75	(463.27)	96.55
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71					

Người lập biểu

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Lê Thị Hương

Lập ngày 20 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B03-DN
(Kèm theo thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) - 9 tháng đầu năm 2026

		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(17,080,104,843)	3,559,802,055
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	524,594,997	634,434,774
- Các khoản dự phòng	03	(190,700,418)	(3,048,595,642)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	3,073,148,046	(10,614,354,377)
- Chi phí lãi vay	06	39,610,027	8,382,579
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13,633,452,191)	(9,460,330,611)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(249,089,934)	(19,294,751,189)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(44,388,138,796)	(479,860,784)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	91,256,562	(16,807,293)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	20,151,112,925	(17,916,066,658)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39,610,027)	(8,382,579)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(38,067,921,461)	(47,176,199,114)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(79,788,740,741)	(5,445,317,384)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	129,163,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(572,500,000,000)	(37,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	507,000,000,000	69,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2,150,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8,741,735,615	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,517,536,424	9,251,234,924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(866,468,702)	33,655,917,540

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		40,920,974,182	258,512,417
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(40,920,974,182)	(258,512,417)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(13,747,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(13,747,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(38,934,390,163)	(13,534,028,574)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	57,845,405,240	55,885,496,160
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	18,911,015,077	42,351,467,586

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Genea Capital (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 - tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306389 ngày 29 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, thông tin chi nhánh và trụ sở giao dịch. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 25 tháng 6 năm 2026.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18: 373.500.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/9/2026: 373.500.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 024 6273 2659
Fax : 024 6273 2668
Mã số thuế : 0102306389

3. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và Dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ kinh doanh và đầu tư Bất động sản; Dịch vụ đầu tư tài chính.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

6. Nhân viên

Tại ngày 30/9/2026 Công ty có 13 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2025 là 17 nhân viên).

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí giao dịch nếu có được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua

lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

c) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất theo quy định. Số năm khấu hao của Bất động sản đầu tư là 40 năm.

d) Tài sản cố định vô hình

Là phần chương trình phần mềm máy tính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Tài sản tài chính*Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	991.100.280	460.763.486
Tiền gửi không kỳ hạn	14.919.914.797	40.384.641.754
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	18.911.015.077	57.845.405.240

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: xem trang tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (PAT)	3.922.740.000	3.922.740.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	1.958.322.740	1.725.500.000	(232.822.740)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG)	-	-	-	3.332.376.159	3.332.376.159	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	-	11.434.536.115	11.434.536.115	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2)	6.375.127.349	4.673.625.000	(1.701.502.349)	10.717.061.687	10.459.020.001	(258.041.686)
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT)	-	-	-	2.642.958.500	2.576.000.000	(66.958.500)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons (CTD)	10.938.203.477	10.441.530.001	(496.673.476)	8.710.306.805	8.036.620.000	(673.686.805)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)	-	-	-	5.857.433.233	5.857.433.233	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	1.153.100.000	1.153.100.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC)	3.383.830.000	3.268.900.000	(114.930.000)	-	-	-
Chứng quyền ACB	-	-	-	1.086.621.492	405.000.000	(681.621.492)
Chứng quyền MWG	-	-	-	548.822.000	548.822.000	-
Chứng quyền SHB	-	-	-	1.401.098.500	1.036.000.000	(365.098.500)
Chứng quyền TPB	-	-	-	2.151.222.000	1.460.000.000	(691.222.000)
Cộng	27.731.323.566	25.185.395.001	(2.545.928.565)	47.882.436.491	45.145.807.508	(2.736.628.983)

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán; đối với các mã có giá thị trường cao hơn giá gốc, giá trị hợp lý được trình bày bằng giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENEAL CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn	69.164.464.383	69.164.464.383	3.624.104.110	3.624.104.110
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.050.000.000	3.050.000.000	3.550.000.000	3.550.000.000
Cho vay (**)	66.000.000.000	66.000.000.000	-	-
Lãi dự thu	114.464.383	114.464.383	74.104.110	74.104.110
Cộng	69.164.464.383	69.164.464.383	3.624.104.110	3.624.104.110

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng.

(**) Là khoản cho vay Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT theo các Hợp đồng cho vay ký giữa hai bên.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.990.000.000	(735.312.284)	2.990.000.000	(735.312.284)
Công ty Cổ phần công nghệ Aladin (1)	490.000.000	(401.063.094)	490.000.000	(401.063.094)
Công ty Cổ phần Quản lý Tự động hoá thông minh Sam (2)	2.500.000.000	(334.249.190)	2.500.000.000	(334.249.190)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	33.464.570.560	(13.191.550.813)	33.464.570.560	(13.191.550.813)
Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết (3)	13.678.080.000	(13.191.550.813)	13.678.080.000	(13.191.550.813)
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội - PRE (4)	19.786.490.560	-	19.786.490.560	-
Cộng	36.454.570.560	(13.926.863.097)	36.454.570.560	(13.926.863.097)

(1): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Aladin theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital). Theo đó Công ty góp 490.000.000 VND tương ứng 49% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Công nghệ Aladin được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107641285 ngày 21 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ 1.000.000.000 VND.

(2): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần quản lý tự động hóa thông minh SAM theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital). Theo đó Công ty góp 3.860.000.000 VND tương ứng 38,99% vốn điều lệ. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 09 tháng 5 năm 2025, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần quản lý tự động hóa Thông minh Sam là 2.600.000.000 VND. Đến thời điểm 30/9/2026 Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đã góp 2.500.000.000 VND tương ứng 96,15% vốn thực góp của Công ty Cổ phần quản lý tự động hóa Thông minh Sam.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 18/11/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) thông qua việc thoái toàn bộ phần vốn góp trị giá 2.500.000.000 VND đã góp tại Công ty Cổ phần quản lý tự động hóa Thông minh Sam và chấm dứt việc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ góp vốn còn lại theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 12/12/2024.

(3): Khoản chi mua phần vốn góp của các xã viên tại Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết nhằm chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phát triển hạ tầng tại số 30 phố Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội. Đến ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty đã góp 13.678.080.000 VND tương đương 26,582% vốn điều lệ. Giá trị dự phòng được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính nộp thuế năm 2025 của Hợp tác xã Công nghiệp Đoàn Kết. Năm 2026, Đại hội thành viên thường niên HTX đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 tiếp tục có lãi và Công ty Cổ phần đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đã được thanh toán cổ tức năm 2025 là 154.782.603 VND.

(4): Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) sở hữu 1.580.000 cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội - PRE với tổng giá trị 19.786.490.560 đồng, chiếm 1,5% vốn điều lệ. Trong đó số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng là 1.580.000 cổ phần, số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng là 0 cổ phần.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng khác	20.888.208.000	(20.594.000.000)	20.599.000.000	(20.594.000.000)
Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Việt (1)	20.594.000.000	(20.594.000.000)	20.594.000.000	(20.594.000.000)
Các khách hàng khác	294.208.000	-	5.000.000	-
Cộng	20.888.208.000	(20.594.000.000)	20.599.000.000	(20.594.000.000)

(1): Đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Việt, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này. Công ty đã thực hiện các thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật. Theo phán quyết của Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hà Nội tại Bản án số 179/2019/HS-PT ngày 02/4/2019, Bị cáo Lê Quý Hiền và Phạm Ngọc Nam phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) số tiền 19.886.000.000 đồng (trong đó, bị cáo Lê Quý Hiền bồi thường 18.386.000.000 đồng, bị cáo Phạm Ngọc Nam bồi thường 1.500.000.000 đồng). Công ty đã thu hồi 1.000.000.000 VND.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	453.379.350	748.836.690
Công ty TNHH Tư vấn Sinh Úc	-	216.000.000
Công ty Luật TNHH Biển Bắc	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư XNK Quốc tế VCN	363.636.364	363.636.364
Các nhà cung cấp khác	39.742.986	119.200.326
Cộng	453.379.350	748.836.690

5. Các khoản phải thu khác

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	24.400.000	-	24.400.000	-
Ông Vũ Quang Hoi	133.150.685	-	133.150.685	-
Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia (1)	39.333.903.021	(39.333.903.021)	39.333.903.021	(39.333.903.021)
Lãi dự thu từ Hợp đồng Ủy thác đầu tư (2)	1.144.295.969	(1.144.295.969)	1.144.295.969	(1.144.295.969)
Tạm ứng	112.992.340	-	54.992.340	-
Tiền bán chứng khoán chờ thanh toán (3)	398.281.680	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	364.416.832	-	387.179.815	-
Cộng	41.511.440.527	(40.478.198.990)	41.077.921.830	(40.478.198.990)

(1): Là khoản phải thu từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐHTĐT/2011/PVII-HMG ký ngày 05 tháng 01 năm 2011, Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HĐHTĐT/2011/PVII-HMG ký ngày 18 tháng 02 năm 2011 và các biên bản xác định nghĩa vụ công nợ ký ngày 20 tháng 12 năm 2012. Theo đó, tổng số tiền phải thu (bao gồm cả gốc và lãi) từ các hợp đồng ủy thác đầu tư đã quá hạn nhưng đối tác không thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GENEAL CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

nghĩa vụ thanh toán là 53.926.219.796 đồng. Công ty đã thu hồi tài sản đảm bảo là Bất động sản tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với tổng giá trị được hai bên thống nhất theo các Hợp đồng chuyển nhượng là 27.848.539.202 đồng. Giá mua trên Hợp đồng chuyển nhượng được tham chiếu dựa trên Chứng thư định giá số 289.1/12/CT-VVFC/CNMN ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam. Theo thông tin từ Tổng cục Thuế thì Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia đã ngừng hoạt động. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản nợ này.

(2): Là khoản lãi dự thu từ các Hợp đồng Ủy thác đầu tư. Tổng Giám đốc đã đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị 1.144.295.969 đồng.

(3): Là tiền bán chứng khoán của các lệnh bán cuối tháng 9/2026 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt, Công ty nhận tiền vào đầu tháng 10/2026 theo chu kỳ thanh toán.

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	119.956.419.537	(43.724.695.588)	131.525.208.196	(43.724.695.588)
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	43.724.695.588	(43.724.695.588)	43.724.695.588	(43.724.695.588)
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng 18 (1)	26.600.000.000	(26.600.000.000)	26.600.000.000	(26.600.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ (2)	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Công ty TNHH Chí Thành (3)	2.124.695.588	(2.124.695.588)	2.124.695.588	(2.124.695.588)
Ký quỹ ký cược dài hạn	80.916.003	-	80.916.003	-
Công ty TNHH Đầu tư Long Hội (4)	-	-	5.090.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Minh Nam (5)	76.150.807.946	-	74.106.299.726	-
Tiền gốc	39.050.000.000	-	39.050.000.000	-
Tiền lãi	37.100.807.946	-	35.056.299.726	-
Phải thu Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toka Studio (6)	-	-	450.000.000	-
Phải thu Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Galaxy Play (7)	-	-	6.990.126.093	-
Phải thu Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH giải trí CJ HK (8)	-	-	1.083.170.786	-
Cộng	119.956.419.537	(43.724.695.588)	131.525.208.196	(43.724.695.588)

(1): Là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đầu tư dự án Xây dựng khu nhà ở, văn phòng cho thuê và các hạng mục công trình hạ tầng khác tại phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Từ năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ phải thu này.

(2): Là khoản phải thu theo các Hợp đồng hợp tác liên doanh ký với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sao Đỏ (gọi tắt là Công ty Sao Đỏ) để đầu tư xây dựng và cải tạo lại chung cư cũ 1A-1B Phùng Chí Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội và dự án cải tạo nhà tập thể Xe lửa Gia Lâm tại Quận Long Biên. Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đã khởi kiện Công ty Sao Đỏ ra tòa. Ngày 27/01/2016 Tòa án NDTP Hà Nội đã ban hành bản án số 10/2016/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng liên doanh, theo đó buộc Công ty Sao Đỏ phải hoàn trả Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) toàn bộ số tiền 15.000.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Sao Đỏ vẫn chưa chịu thi hành án. Khoản nợ đã được trích lập dự phòng 100% từ năm 2014.

(3): Là khoản phải thu Công ty TNHH Chí Thành theo Hợp đồng góp vốn để đầu tư vào dự án khu đô thị Điện Nam, Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam. Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đã khởi kiện Công ty TNHH Chí Thành, Tòa án Nhân dân Thị xã Điện Bàn tỉnh Quảng Nam đã

CÔNG TY CỔ PHẦN GENEAL CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

ban hành bản án số 12/2016/KDTM-ST buộc Công ty TNHH Chí Thành phải thanh toán nợ gốc 7.338.240.000 đồng và 2.146.435.200 đồng tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) vẫn chưa thu hồi được khoản nợ trên. Khoản nợ đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% từ năm 2014.

(4): Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền mua cổ phần ngày 10 tháng 10 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đồng ý chuyển nhượng công ty dự án (công ty được thành lập để thực hiện quản lý, điều hành, khai thác dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân và Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 là chủ đầu tư) cho Công ty Cổ phần đầu tư Tây Tây Nam, tổng giá trị chuyển nhượng là 170.000.000.000 đồng. Ngày 14 tháng 5 năm 2019, Công ty dự án được thành lập với tên Công ty TNHH Đầu tư Long Hội, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3603642475. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đã góp 5.090.000.000 đồng vào Công ty TNHH Đầu tư Long Hội. Trong quý 3 năm 2026, Công ty TNHH Đầu tư Long Hội đã hoàn tất thủ tục giải thể và Công ty đã thu hồi vốn góp.

(5): Là khoản phải thu từ Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 1611/2021/HĐGVKD-PV2-MINH NAM ngày 16/11/2021; Phụ lục 01 ngày 20/10/2022; Phụ lục 02 ngày 08/12/2022; Phụ lục 03 ngày 20/11/2023 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Minh Nam để tiến hành hoạt động dự án tại phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Số tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh là 150.000.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, số tiền gốc hợp tác kinh doanh là 39.050.000.000 VND, lãi phải thu hợp tác kinh doanh là 37.100.807.946 VND. Thời hạn góp vốn gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(6): Là khoản phải thu từ Hợp đồng số 03/2024/HDDT/TOKASTUDIO-PV2 ngày 10 tháng 10 năm 2024 ký giữa Công ty TNHH Toka Studio và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) để thực hiện dự án đầu tư liên quan đến việc sản xuất, phát hành và trình chiếu phim. Số tiền góp vốn là 450.000.000 VND, tương ứng với 3% tổng vốn đầu tư, công ty sẽ được hưởng 3% lợi nhuận thuần từ hoạt động trên. Năm 2026, Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) đã quyết toán chi phí sản xuất phim với Công ty TNHH Toka Studio.

(7): Là khoản phải thu từ Hợp đồng số 2712/2024/HĐĐT/GP-PV2 ngày 27 tháng 12 năm 2024 ký giữa Công ty Cổ phần Galaxy Play và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) để thực hiện dự án đầu tư liên quan đến việc sản xuất, phát hành Phim Tẩu Thoát Trên Không. Số tiền góp vốn là 3.129.610.000 VND, tương ứng với 10% tổng vốn đầu tư, công ty sẽ được hưởng 10% lợi nhuận thuần từ hoạt động trên. Năm 2025, Công ty đã quyết toán chi phí sản xuất phim với Công ty Cổ phần Galaxy Play. Năm 2026, Công ty đã thu hồi hết các khoản công nợ.

(8): Là khoản phải thu từ Hợp đồng số CJHK_PRO 002/2025 ngày 21 tháng 3 năm 2025 ký giữa Công ty TNHH giải trí CJ HK và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (nay là Công ty Cổ phần Genea Capital) để thực hiện dự án đầu tư liên quan đến việc sản xuất, phát hành Phim Hoàng Tử Quý. Tổng số tiền góp vốn là 3.200.000.000 VND, tương ứng với 10% tổng vốn đầu tư, công ty sẽ được hưởng 10% lợi nhuận thuần từ hoạt động trên. Công ty đã góp 2.560.000.000 VND. Năm 2025, Công ty đã quyết toán chi phí sản xuất phim với Công ty TNHH giải trí CJ HK. Năm 2026, Công ty đã thu hồi hết các khoản công nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa bất động sản	26.168.166.326	(24.949.726.326)	26.168.166.326	(24.949.726.326)
Khu đất tại Xóm Rậm, Cự Yên - Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình của Ông Lê Văn Giang (1)	487.493.000	(487.493.000)	487.493.000	(487.493.000)
Khu đất tại Xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (2)	25.680.673.326	(24.462.233.326)	25.680.673.326	(24.462.233.326)
Cộng	26.168.166.326	(24.949.726.326)	26.168.166.326	(24.949.726.326)

(1) Bất động sản tại Xóm Rậm, Cự Yên - Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình của Ông Lê Văn Giang. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số trích lập 487.493.000 VND.

(2) Là Quyền sử dụng đất tại xã Phú Ngọc huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai hình thành từ việc thu hồi 07 BĐS của Ông Lê Văn Tùng do thanh lý Hợp đồng Quản lý Bất động sản số 03/QLBĐS/PV2-LVT ngày 25 tháng 5 năm 2011. Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ký ngày 26 tháng 12 năm 2012, Công ty nhận lại 7 BĐS trên do hết thời hạn của Hợp đồng quản lý BĐS nhưng phía đối tác chưa hoàn trả số tiền đặt cọc cho Công ty. Giá trị của BĐS được xác định bằng giá trị còn lại được kết chuyển từ Bất động sản đầu tư. Hội đồng đánh giá các khoản Đầu tư và công nợ của Công ty đánh giá xác định lại giá trị hợp lý của lô đất bằng giá quy định của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên là 10.000 đồng/m² để trích lập dự phòng Giảm giá Hàng hóa BĐS này.

7. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	242.233.769	285.163.769
Dài hạn	18.539.874	66.866.436
Cộng	260.773.643	352.030.205

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ ngắn hạn và dài hạn.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.460.266.364	359.172.911	8.819.439.275
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	8.460.266.364	359.172.911	8.819.439.275
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>2.864.586.364</i>	<i>359.172.911</i>	<i>3.223.759.275</i>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.530.069.811	359.172.911	3.889.242.722
Khấu hao trong kỳ	524.594.997	-	524.594.997
Số cuối kỳ	4.054.664.808	359.172.911	4.413.837.719
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.930.196.553	-	4.930.196.553
Số cuối kỳ	4.405.601.556	-	4.405.601.556

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

9. Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (1)	6.249.881.421	1.292.852.516	6.249.881.421	1.292.852.516
Cộng	6.249.881.421	1.292.852.516	6.249.881.421	1.292.852.516

(1): Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thuộc Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất do Công ty làm chủ đầu tư. Theo Công văn số 1427/BQL-PTĐT ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Công ty đã được giãn tiến độ triển khai thực hiện dự án từ ngày 13 tháng 7 năm 2016 đến 13 tháng 7 năm 2021. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 12 năm 2023, Công ty tạm ngừng thực hiện dự án cho đến khi có hướng giải quyết từ UBND và các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Ngãi. Công ty thực hiện trích lập dự phòng của dự án này là 4.957.028.905 VND.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án khu dân cư theo quy hoạch tại tỉnh Đồng Nai (1)	-	-	56.438.367.025	56.438.367.025
Cộng	-	-	56.438.367.025	56.438.367.025
Kỳ này				
Số đầu năm				56.438.367.025
Chi phí phát sinh trong kỳ				79.788.740.741
Giảm trong kỳ (Thanh lý)				(136.227.107.766)
Số cuối kỳ				-

(1): Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại tỉnh Đồng Nai theo các văn bản chính sau:

- + Quyết định số 1928/UBND-CN ngày 26/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận đầu tư dự án phát triển Khu dân cư theo quy hoạch quy mô 9,991 ha tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 làm chủ đầu tư;
- + Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 12/09/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội, điều chỉnh lần thứ 2; Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 28/08/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư điều chỉnh lần 3;
- + Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- + Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 7/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 chuyển mục đích sử dụng đất;
- + Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 02/06/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh diện tích đất ghi tại Điều 1 văn bản số 876/QĐ-UBND ngày 7 tháng 3 năm 2018;
- + Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 3/6/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định việc giao đất, cho thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 để xây dựng khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch;
- + Văn bản số 9038/CTDON-QLHKDCNTK ngày 25/11/2021 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền đất của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2;

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

- + Văn bản số 827/CTDON-HKDCNTK ngày 23/01/2025 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc xác nhận nộp tiền SDD và tiền thuê đất trả một lần cho Công ty Cổ phần Đầu tư PV2;
- + Văn bản số 5872/DON-CNTK ngày 04/11/2025 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc xác định tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư PV2;
- + Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định về việc cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch với diện tích 9,991 ha (nay là xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) của Công ty Cổ phần đầu tư PV2;

Ngày 30 tháng 1 năm 2026, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ Dự án số 01/2026/HĐCN và phụ lục hợp đồng 01. Theo đó Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ Dự án "Khu dân cư tại Xã Long Tân và Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch" với Giá trị Hợp đồng chuyển nhượng 279.163.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín tỷ một trăm sáu mươi ba triệu đồng). Trong đó Giá trị chuyển nhượng Quyền sử dụng đất 199.563.000.000 đồng, Tiền đầu tư hạ tầng 79.600.000.000 đồng.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp khác	23.648.000	34.338.000
Cộng	23.648.000	34.338.000

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần đầu tư Tây Tây Nam	-	43.563.000.000
BQL Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.292.852.516	1.292.852.516
Cộng	1.292.852.516	44.855.852.516

12. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.533.816.173	2.533.816.173
Cộng	2.533.816.173	2.533.816.173

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	-	-	1.338.229.404	(1.304.923.848)	33.305.556	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	281.065.939	-	-	-	281.065.939
Thuế thu nhập cá nhân	62.425.461	-	354.853.017	(241.752.049)	175.526.429	-
Cộng	62.425.461	281.065.939	1.693.082.421	(1.546.675.897)	208.831.985	281.065.939

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	160.898.102	104.058.302
Bảo hiểm xã hội	437.499	-
Bảo hiểm y tế	75.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	25.000	-
Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân	-	260.116.067
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	530.138.868	220.287.206
Cộng	691.574.469	584.461.575

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	630.789.147	630.789.147
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	120.865.947	120.865.947
Cộng	751.655.094	751.655.094

16. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(149.466.454.779)	230.577.592.476
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.786.882.579	1.786.882.579
Số dư cuối năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(147.679.572.200)	232.364.475.055
Số dư đầu năm nay	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(147.679.572.200)	232.364.475.055
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(17.080.104.843)	(17.080.104.843)
Số dư cuối kỳ này	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(164.759.677.043)	215.284.370.212

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	373.500.000.000	373.500.000.000
Thặng dư vốn	2.790.387.000	2.790.387.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
Cộng	372.743.786.171	372.743.786.171

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.350.000	37.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.350.000	37.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	481.200	481.200
- Cổ phiếu phổ thông	481.200	481.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.868.800	36.868.800
- Cổ phiếu phổ thông	36.868.800	36.868.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

- Quỹ phúc lợi; Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của doanh nghiệp để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi cộng đồng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản	129.163.000.000	-
Cộng	129.163.000.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn chuyển nhượng Bất động sản	136.227.107.766	-
Cộng	136.227.107.766	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1.356.044.655	3.076.090.967
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.341.335.949	6.058.472.999
Lãi bán chứng khoán	12.053.937.955	1.031.782.869
Lãi Hợp tác kinh doanh	2.044.508.220	1.479.790.411
Cộng	16.795.826.779	11.646.137.246

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	39.610.027	8.382.579
Lỗ bán chứng khoán	18.245.497.654	4.010.937.636
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(190.700.418)	(2.548.595.642)
Lỗ Hợp tác kinh doanh	442.247.320	-
Chi phí tài chính khác	1.004.687.299	74.794.291
Cộng	19.541.341.882	1.545.518.864

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.882.253.402	4.453.452.956
Chi phí đồ dùng văn phòng	227.624.653	150.168.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524.594.997	634.434.774
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.866.704.881	1.206.109.845
Các chi phí khác	769.304.041	586.500.641
Cộng	7.270.481.974	6.533.666.327

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.080.104.843)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.073.525.133)
- Các khoản điều chỉnh tăng	267.810.816
+ Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ	267.810.816
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.341.335.949)
+ Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.341.335.949)
Thu nhập chịu thuế	(18.153.629.976)
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	(18.153.629.976)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.080.104.843)	3.559.802.055
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(17.080.104.843)	3.559.802.055
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	36.868.800	36.868.800
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(463,27)	96,55

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.868.800	36.868.800
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	36.868.800	36.868.800

CÔNG TY CỔ PHẦN GENE CAPITAL

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.882.253.402	4.453.452.956
Chi phí đồ dùng văn phòng	227.624.653	150.168.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524.594.997	634.434.774
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.866.704.881	1.206.109.845
Chi phí khác	769.304.041	586.500.641
Cộng	7.270.481.974	6.533.666.327

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Lê Thị Hương

Kế toán trưởng

Lê Thị Hương



Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Hân